

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ BẢO ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ BẢO ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO ANH INVESTMENT TRADING TRANSPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109347183

**3. Ngày thành lập:** 17/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 6, Ngách 1144/39, Ngõ 1144, Tổ dân phố số 1, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô    | 4933(Chính) |
| 2.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                 | 1622        |
| 3.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                 | 3320        |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                                       | 4101        |
| 5.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                 | 4102        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                           | 4211        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                            | 4212        |
| 8.  | Xây dựng công trình điện                                                                | 4221        |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                     | 4222        |
| 10. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                      | 4223        |
| 11. | Xây dựng công trình công ích khác                                                       | 4229        |
| 12. | Xây dựng công trình thủy                                                                | 4291        |
| 13. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                         | 4292        |
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                   | 4293        |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                              | 4299        |
| 16. | Phá dỡ                                                                                  | 4311        |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng); | 4312        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                   | 4321        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                   | 4322        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</p> <p>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, thang cuốn,</li> <li>+ Cửa cuốn, cửa tự động,</li> <li>+ Dây dẫn chống sét,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.</li> </ul> <p>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4329 |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330 |
| 22. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>+ Uôn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lắp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> </ul> <p>- Các công việc dưới bề mặt;</p> <p>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</p> <p>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</p> <p>- Thuê cần trục có người điều khiển.</p> | 4390 |
| 23. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4511 |
| 24. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4512 |
| 25. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4530 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610 |
| 27. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                | 4649 |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy | 4659 |
| 30. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại;<br>- Bán buôn sắt, thép<br>(Trừ kinh doanh vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4662 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4752 |
| 33. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4759 |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4931 |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch....;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4932 |
| 36. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5210 |
| 37. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5224 |
| 38. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7410 |
| 39. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7710 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển. | 7730 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                  | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                           | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ KIM ANH | Số nhà 6, Ngách 1144/39, Ngõ 1144, Tổ dân phố số 1, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 50.000.000            | 1,000     | 001197005834                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ SAO | Số nhà 6, Ngách 1144/39, Ngõ 1144, Tổ dân phố số 1, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 4.950.000.000         | 99,000    | 001177020675                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ SAO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/03/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001177020675

Ngày cấp: 11/04/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 6, Ngách 1144/39, Ngõ 1144, Tổ dân phố số 1, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 6, Ngách 1144/39, Ngõ 1144, Tổ dân phố số 1, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội